

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ - ST
Ngày 30-8-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Chang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Thu Thảo;

Ông Nguyễn Trường Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương L - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2019/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1981; Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp a, xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1971; Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp a, xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: Bà và Ông Nguyễn Ngọc T sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/11/2003 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống, vợ chồng bà xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, ông T không quan tâm gì tới gia đình và có lời nói xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà. Hiện nay, vợ chồng bà đã sống ly thân với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng bà đã trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung với nhau được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông T có 02 con chung Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 15/4/2004 và Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày 11/4/2011. Hiện nay các con đang sống cùng bà Q và các con đều có nguyện vọng được sống cùng với bà nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Tại đơn khởi kiện, bà Q yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi nhưng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bà Q thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con nữa.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà theo quy định của pháp luật.

Bị đơn Ông Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. HĐXX thực hiện khai mạc phiên tòa, phần thủ tục, phần tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Bà Q và ông T đăng ký kết hôn ngày 18/11/2003 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nên bà Q nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt thể hiện không có thiện chí hòa giải, hàn gắn mâu thuẫn gia đình. Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà Q, ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà Q được ly hôn với ông T. Về con chung Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 15/4/2004 và Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày 11/4/2011 đang sống cùng bà Q và các cháu đều có nguyện vọng được sống cùng với bà Q nên căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xem xét giao con chung Nguyễn Ngọc Phương T và Nguyễn Ngọc Phương L cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Q không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện Kiểm sát không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Q có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với Ông Nguyễn Ngọc T và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn hiện cư trú tại Ấp a, xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn Ông Nguyễn Ngọc T lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q và bị đơn Ông Nguyễn Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/11/2003 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 143, quyển số 01/2003 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Bà Q và ông T đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn bà Q cho rằng quá trình chung sống vợ chồng bà đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà tự nguyện xin ly hôn với ông T. Tại biên bản xác minh ngày 06/5/2019 ở địa phương nơi bà Q và ông T sinh sống thì vợ chồng bà Q, ông T có xảy ra cãi nhau. Bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, thể hiện ông không có thiện chí mong muốn hàn gắn mâu thuẫn gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng bà Q và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xem xét chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Q được ly hôn với Ông Nguyễn Ngọc T.

[3] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của bà Q, Giấy khai sinh số 844, quyển số 01/2004 và Giấy khai sinh số 79, quyển số 01/2011, đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương thì có căn cứ xác định bà Q và ông T có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 15/4/2004 và Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày 11/4/2011. Hiện nay, cháu Trinh và cháu Linh đang sống cùng nguyên đơn. Tại bản tự khai, các cháu Trinh và Linh có nguyện vọng được sống cùng bà Q. Bà Q có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn ông T không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án về con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Nguyễn Ngọc Phương T và Nguyễn Ngọc Phương L, căn cứ vào các Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xem xét giao cháu Trinh và cháu Linh cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Bà Q không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX ghi nhận, không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 238, 246, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53, 55, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q đối với bị đơn Ông Nguyễn Ngọc T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

2. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Q được ly hôn với Ông Nguyễn Ngọc T.

3. Về con chung:

Giao con chung Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 15/4/2004 và Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày 11/4/2011 cho bà Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Q không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Q phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0026203 ngày 10/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Giáo;
- UBND xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Chang